ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ QUY KỲ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41 /UBND-LN V/v đăng ký trồng Quế (giai đoạn 1, vụ xuân) năm 2024 theo Đề án "Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030"	*Quy Kỳ, ngày 28 tháng 02 năm 2024*

Kính gửi: - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên;
- Ban quản lý rừng ATK Định Hóa

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc phê duyệt Đề án "Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Văn bản số 102/CCKL-QLBV&PTR ngày 22/01/2024 của Chi cục Kiểm lâm về việc giao nhiệm vụ thực hiện Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ Công văn số 82 /BQLR-KH ngày 27 /02/2024 của Ban quản lý rừng ATK Định Hóa về việc triển khai trồng quế theo Đề án Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực (giai đoạn 1, vụ xuân) năm 2024 (nguồn Ngân sách tỉnh);

Căn cứ quỹ đất trống và nhu cầu trồng quế của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Quy Kỳ.

UBND xã Quy Kỳ tổng hợp nhu cầu trồng quế theo Đề án "Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030" (giai đoạn 1, vụ xuân) năm 2024 như sau:

Tổng số hộ đăng ký tham gia thực hiện: 19 hộ

Diện tích đăng ký thực hiện: 8,45 ha

(Có danh sách cụ thể kèm theo)

Đề nghị Ban quản lý rừng ATK Định Hóa tổng hợp báo cáo Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên xem xét hỗ trợ cho các hộ trồng quế theo quy định./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VP.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Hoàng Từ Điển**

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ ĐĂNG KÝ TRỒNG QUẾ
(GIAI ĐOẠN 1, VỤ XUÂN) NĂM 2024
(Theo Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030)
(Kèm theo Công văn số……../UBND-LN ngày 28/02/2024 của UBND xã Quy Kỳ)

TT	Họ và tên	Diện tích (ha)	Số lượng (cây)
I	**Xóm Hương Bảo 3**		
1	Trần Văn Tài	0,30	1.500
2	Trần Văn Đức	0,40	2.000
3	Lý Văn Quốc	1,10	5.500
3	***Cộng xóm***	***1,80***	***9.000***
II	**Xóm Khuôn Nhà**		
1	Triệu Văn Huy	0,40	2.000
1	***Cộng xóm***	***0,40***	***2.000***
III	**Xóm Hương Bảo 1**		
1	Hoàng Thị Chu	0,30	1.500
2	Hoàng Thị Thông	0,80	4.000
2	***Cộng xóm***	***1,10***	***5.500***
IV	**Xóm Thái Trung**		
1	Mã Thị Hiệp	0,50	2.500
1	***Cộng xóm***	***0,50***	***2.500***
V	**Xóm Túc Duyên**		
1	Hoa Văn Hưng	0,20	1.000
1	***Cộng xóm***	***0,20***	***1.000***
VI	**Xóm Thống Nhất 1**		
1	Lưu Đình Tân	0,30	1.500
2	Hà Văn Bằng	0,40	2.000
2	***Cộng xóm***	***0,70***	***3.500***
VII	**Xóm Thống Nhất 2**		
1	Hoàng Văn Thịnh	0,30	1.500
2	Lê Thị Oanh	0,80	4.000
2	***Cộng xóm***	***1,10***	***5.500***
VIII	**Xóm Gốc Hồng**		
1	Hoàng Văn Tụng	0,35	1.750
		0,10	500
		0,15	750
2	Luân Đức Hợp	0,20	1.000
3	Mạc Đình Quang	0,30	1.500
4	Luân Văn Nội	0,15	750
4	***Cộng xóm***	***1,25***	***6.250***
IX	**Xóm Khuôn Câm**		
1	Dương Văn Hiển	0,70	3.500

2	Dương Văn Cường	0,40	2.000
3	Triệu Thị Ngoan	0,30	1.500
3	***Cộng xóm:***	***1,40***	***7.000***
19	**Tổng cộng xã:**	**8,45**	**42.250**